



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

PETAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN NGẠ QUỶ

1. 12.

85. Uragova tacam̐ jīṇṇam̐ hitvā gacchati saṃtanuṃ,
evaṃ sarīre nibbhoge pete kālakate¹ sati.
86. Ḍayhamāno na jānāti ñātīnaṃ paridevitaṃ,
tasmā etaṃ na rodāmi² gato so tassa yā gatī 'ti.³
87. Anavhito⁴ tato āga⁵ nānuññāto ito gato,
yathāgato tathāgato kā tattha⁶ paridevanā.
88. Ḍayhamāno na jānāti ñātīnaṃ paridevitaṃ,
tasmā etaṃ na rodāmi gato so tassa yā gatī 'ti.⁷
89. Sace rode kisā assaṃ tattha me kiṃ phalaṃ siyā,
ñātimittasuhajjānaṃ bhiyyo no aratī siyā.
90. Ḍayhamāno na jānāti ñātīnaṃ paridevitaṃ,
tasmā etaṃ na rodāmi gato so tassa yā gatī 'ti.¹
91. Yathāpi dārako candaṃ gacchantamanurodati,
evaṃ sampadamevetam̐ yo petamanusocati.
92. Ḍayhamāno na jānāti ñātīnaṃ paridevitaṃ,
tasmā etaṃ na rodāmi gato so tassa yā gatī 'ti.¹
93. Yathāpi brahme udakumbho bhinno appaṭisandhiyo,
evaṃ sampadamevetam̐ yo petamanusocati.
94. Ḍayhamāno na jānāti ñātīnaṃ paridevitaṃ,
tasmā etaṃ na rodāmi gato so tassa yā gatī 'ti.

Uragapetavatthu dvādasamaṃ.

Uragavaggo paṭhamo niṭṭhito.

TASSUDDĀNAṃ

Khettañca sūkaraṃ pūti piṭṭhañcāpi tirokuḍḍaṃ,
pañcāpi sattaputtañca goṇaṃca pesakāraṃ,⁸
tathā khallāṭiyaṃ nāgaṃ uragañceva dvādasā 'ti.⁹

--ooOoo--

¹ kālaṅkate - Ma.

² evaṃ na socāmi - Syā.

³ gatī - Syā.

⁴ anabbhito - Ma, Syā, PTS.

⁵ āgā - Ma, Syā, PTS.

⁶ tattha kā - Ma, Syā, PTS.

⁷ gatī - Syā.

⁸ goṇaṃ pesakāraṃ ca - Ma, PTS.

⁹ dvādasamaṃ uragañ c' evā ti - Ma, PTS.

1. 12.

85. “Giống như con rắn từ bỏ lớp vỏ già cỗi là phần thân thể của mình rời ra đi, tương tựa như thế ấy khi thân xác không còn lợi ích, khi là người đã ra đi, đã từ trần, đã tái sanh.

86. Người đang bị đốt cháy không biết việc than khóc của các thân quyến; do đó tôi không khóc cho người ấy, người ấy đã đi đến cảnh giới dành cho người ấy.”¹

87. “Không được gọi, từ nơi kia nó đã đi đến, chưa được phép, từ nơi này nó đã ra đi. Nó đã đi đến như thế nào thì nó đã ra đi như thế ấy, trong trường hợp ấy việc gì với sự than vãn?

88. Người đang bị đốt cháy không biết việc than khóc của các thân quyến; do đó tôi không khóc cho người ấy, người ấy đã đi đến cảnh giới dành cho người ấy.”

89. “Nếu tôi khóc, tôi sẽ trở nên tiêu tụy; trong trường hợp ấy có được kết quả gì cho tôi? (Việc ấy) còn làm tăng thêm sự ưu sầu cho quyến thuộc bạn bè thân hữu của chúng tôi.

90. Người đang bị đốt cháy không biết việc than khóc của các thân quyến; do đó tôi không khóc cho người ấy, người ấy đã đi đến cảnh giới dành cho người ấy.”

91. “Cũng giống như đứa bé trai khóc lóc đòi mặt trăng đang di chuyển, người thương tiếc kẻ đã quá vãng có sự thành tựu y như thế.

92. Người đang bị đốt cháy không biết việc than khóc của các thân quyến; do đó tôi không khóc cho người ấy, người ấy đã đi đến cảnh giới dành cho người ấy.”

93. “Này người Bà-la-môn, cũng giống như lọ nước đã bị vỡ, không thể hàn gắn lại, người thương tiếc kẻ đã quá vãng có sự thành tựu y như thế.

94. Người đang bị đốt cháy không biết việc than khóc của các thân quyến; do đó tôi không khóc cho người ấy, người ấy đã đi đến cảnh giới dành cho người ấy.”

Chuyện Ngạ Quỷ Rắn là thứ mười hai.

Dứt Phẩm Rắn - Phẩm Thứ Nhất.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY:

Cánh đồng, con heo, (miệng) hôi thối, luôn cả (hình nộm) bằng bột, bên kia bức tường, rồi năm, và bảy đứa con trai, con bò đực, và người thợ dệt, tương tự là đầu bị sói, con voi, và luôn cả rắn nữa là mười hai.

--ooOoo--

¹ Câu chuyện này tương tự như chuyện Bốn Sanh 354. Hai câu kệ 85, 86 là lời của người cha, hai câu kệ kế tiếp là lời của người mẹ, sau đó là lời của người em gái, của người vợ góa, và cuối cùng là lời của người tớ gái (PvA, 61-66).